BÀN VỀ ĐIỀU KIỆN PHÂN CHIA DI SẢN THỪA KẾ

NGUYỄN NHẬT HUY
Trường Đại học Luật Hà Nội

Nhận bài ngày 22/6/2025. Sửa chữa xong 28/6/2025. Duyệt đăng 02/7/2025.

Abstract

The 2015 Civil Code currently does not provide specific regulations on the concept of the conditions for the division of inheritance. Within the scope of this article, the author examines the legal requirements for the lawful division of inheritance to take place. On that basis, the author proposes several recommendations to further develop and clarify the concept of the conditions for the division of inheritance, thereby contributing to the theoretical framework concerning this subject.

Keywords: *Inheritance, division of inheritance, conditions for division of inheritance.*

1. Đặt vấn đề

Phân chia di sản thừa kế là hoạt động nhằm dịch chuyển di sản thừa kế của người chết cho từng người có quyền hưởng di sản theo di chúc hoặc theo quy định của pháp luật. Để quá trình dịch chuyển di sản này được diễn ra, pháp luật đòi hỏi phải đáp ứng các điều kiện nhất định. Những điều kiện đó có thể kể đến như điều kiện về thời điểm mở thừa kế, về di sản thừa kế, về tính hiệu lực của di chúc (nếu người có tài sản lập di chúc trước khi chết), về sự hiện hữu vật lý của người thừa kế và điều kiện pháp lý đối với người thừa kế để được hưởng di sản, về yêu cầu phân chia di sản thừa kế… Tuy nhiên, Bộ luật Dân sự năm 2015 lại chưa quy định cụ thể về khái niệm "điều kiện phân chia di sản thừa kế". Từ việc tìm hiểu các yêu cầu của pháp luật để hoạt động phân chia di sản được diễn ra, bài viết hoàn thiện khái niệm về điều kiện phân chia di sản thừa kế, góp phần làm rõ một vấn đề lý luận về đề tài này.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Điều kiện về thời điểm mở thừa kế

Thừa kế là sự phản ánh quá trình dịch chuyển tài sản của người đã chết sang cho những người khác còn sống. Sự kiện cá nhân chết chính là sự kiện pháp lý xác định quan hệ pháp luật về thừa kế đã phát sinh; xác định di sản thừa kế mà người chết để lại bao gồm những tài sản nào, ở đâu và bao nhiêu; xác định di chúc phát sinh hiệu lực pháp luật; xác định điều kiện để được hưởng di sản của người hưởng di sản; xác định quyền và nghĩa vụ của người hưởng di sản thừa kế; xác định giới hạn nghĩa vụ tài sản mà người chết để lại; xác định người thừa kế có quyền hưởng di sản thì đồng thời có quyền từ chối nhận di sản từ thời điểm mở thừa kế cho đến trước khi phân chia di sản; xác định ai là người được hưởng phần di sản không phụ thuộc vào nội dung của di chúc, ai là người thừa kế thế vị để hưởng di sản mà người chết để lại, là điểm mốc để tính thời hiệu thừa kế... Do đó, trong trình tự phân chia di sản thừa kế buộc phải xác định thời điểm mở thừa kế.

Khoản 1 Điều 611 đã quy định: "Thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết. Trường hợp Tòa án tuyên bố một người là đã chết thì thời điểm mở thừa kế là ngày được xác định tại khoản 2 Điều 71 của Bộ luật này". Theo quy định này, trong trường hợp bình thường, người có di sản chết một khi cái chết thực tế (còn gọi là chết sinh học) được ghi nhận. Theo quy định của Điều 33, Điều 34 Luật Hộ tịch hiện hành, trừ trường hợp có nghi vấn và phải xác minh, thông tin về ngày chết ghi nhận trên giấy báo từ hoặc giấy tờ thay giấy báo tử được ghi lại trên Giấy chứng tử là căn cứ xác định thời điểm mở thừa kế. Ví dụ, người đó chết vào hồi 11h 30 phút ngày 01 tháng 06 năm 2020. Tuy nhiên, dù đủ căn

Email: nhathuyjapan@gmail.com.

cứ để xác định thời điểm chết là các đơn vị thời gian khác nhau trong các trường hợp có cái chết thực tế nhưng việc xác định thời điểm mở thừa kế theo giờ, theo phút không có ý nghĩa gì lớn. Để phù hợp với thực tế, phong tục tập quán của dân tộc cũng như hội nhập hơn với luật pháp quốc tế cần phải quy định lại thời điểm mở thừa kế theo đơn vị thời gian là "ngày" [1, tr. 32].

Trong trường hợp người có di sản bị tuyên bố là đã chết (cái chết pháp lý) thì thời điểm mở thừa kế đối với di sản của họ sẽ được xác định là ngày được Toà án xác định trong quyết định tuyên bố một người là đã chết khi có cơ sở để xác định ngày chết của họ theo sự kiện thực tế xảy ra (mà không xác định theo ngày quyết định tuyên bố chết có hiệu lực pháp luật do không ai biết được người bị tuyên bố chết thực sự chết ngày nào như từng quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Dân sự 1995). Ví dụ, ngày xảy ra tai nạn, ngày xảy ra thảm hoạ, thiên tai… được xác định là ngày người đó chết.

2.2. Điều kiện về di sản thừa kế

Về nguyên tắc, quan hệ thừa kế chỉ phát sinh khi cá nhân chết đi có để lại di sản thừa kế. Dù là phân chia di sản thừa kế theo di chúc hay theo pháp luật thì đối tượng phân chia đều là di sản thừa kế. Điều kiện về di sản thừa kế là điều kiện đầu tiên cần phải xem xét bởi nếu di sản thừa kế không còn tồn tại vào thời điểm mở thừa kế, đối tượng của sự dịch chuyển tài sản của người chết sang cho người còn sống cả theo trình tự thừa kế theo di chúc và thừa kế theo pháp luật sẽ không còn. Do đó, trong trình tự phân chia di sản thừa kế buộc phải xác định các vấn đề liên quan đến di sản thừa kế. Để trở thành đối tượng của sự dịch chuyển tài sản của người chết sang cho những người hưởng di sản, di sản thừa kế phải đáp ứng một số điều kiện nhất định.

Thứ nhất, di sản thừa kế trước hết phải là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người để lại di sản. Nếu tài sản không thuộc quyền sở hữu (quyền sử dụng trường hợp tài sản là quyền sử dụng đất) của người để lại di sản thì người đó sẽ không thể có quyền chuyển dịch tài sản đó cho người còn sống.

Thứ hai, di sản thừa kế còn phải là đối tượng của quá trình dịch chuyển tài sản của người đó sang cho những người hưởng thừa kế. Về nguyên tắc, tài sản của người chết sẽ được dịch chuyển cho người khác theo di chúc hoặc theo một trình tự nhất định. Đối tượng của sự dịch chuyển này là mọi tài sản hợp pháp do người chết để lại, trừ những tài sản gắn liền với nhân thân hoặc các tài sản không được chuyển giao qua giao dịch, thừa kế.

Thứ ba, di sản thừa kế không chỉ bao gồm những tài sản hiện có mà còn bao gồm cả tài sản được hình thành trong tương lai. Tài sản được hình thành trong tương lai là những tài sản chắc chắn sẽ có từ một hợp đồng hoặc từ một căn cứ pháp lý khác và sẽ thuộc sở hữu của người để lại di sản. Thường thì các tài sản hình thành trong tương lai là tài sản mà người để lại di sản chưa chính thức xác lập quyền sở hữu, vì chưa được bàn giao hoặc chưa thanh toán hết nghĩa vụ, hoặc đang bị người khác bảo lưu quyền sở hữu. Vì vậy, việc phân chia các loại tài sản này cần chú ý đến các điều kiện khác có liên quan và có thể kèm theo các nghĩa vụ tài chính mà người chết chưa thực hiện xong.

Thứ tư, di sản thừa kế còn phải là những tài sản hiện còn để chia thừa kế sau khi thanh toán nghĩa vụ tài sản. Khi xem xét về vấn đề di sản thừa kế, Bộ luật Dân sự 2015 hiện đang theo quan điểm cho rằng di sản thừa kế chỉ bao gồm các tài sản mà không bao gồm nghĩa vụ tài sản[1]. Theo quan điểm này, di sản thừa kế không thể là món nợ, càng không thể là món "nợ truyền đời truyền kiếp", "phụ trái, tử hoàn" theo tục lệ của chế độ cũ. Tuy nhiên, để bảo vệ quyền lợi của các chủ nợ, nghĩa vụ tài sản sẽ vẫn được thanh toán bởi người thừa kế và trong phạm vi di sản mà mỗi người thừa kế được nhận.

2.3. Điều kiện về hiệu lực của di chúc

Trong trường hợp người chết có để lại di chúc, hiệu lực của di chúc cũng là một trong những điều kiện để phân chia di sản thừa kế. Bản chất của di chúc là "Phương tiện thể hiện ý chí của cá nhân nhằm dịch chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết, đồng thời là cơ sở tạo ra trình tự phân chia

1) Trong Pháp lệnh Thừa kế năm 1990, di sản thừa kế đã được xác định một cách hoàn toàn khác với các văn bản trước đây, theo đó, di sản thừa kế chỉ bao gồm tài sản và quyền tài sản của người chết để lại, nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại không thuộc di sản thừa kế. Trong các Bộ luật Dân sự 1995, Bộ luật Dân sự 2005, Bộ luật Dân sự 2015 sau đó của nước ta, di sản thừa kế đã được xác định tương đối cụ thể và chi tiết hơn.

di sản thừa kế theo di chúc" [2, tr. 450]. Để có thể tạo ra trình tự phân chia di sản thừa kế theo di chúc, di chúc phải có hiệu lực pháp luật. Di chúc là một giao dịch mà người xác lập nó chỉ nhằm mục đích "dịch chuyển", "để lại" các tài sản của họ cho người khác nhưng sự dịch chuyển đó chỉ được thực hiện sau khi người lập di chúc chết nên di chúc chỉ có hiệu lực và được thi hành kể từ thời điểm mở thừa kế.

Để có thể phát sinh hiệu lực, di chúc không những phải hợp pháp (di chúc không vô hiệu) mà còn lệ thuộc vào nhiều điều kiện khác nữa để đảm bảo di chúc không thất hiệu. Hiện nay pháp luật Việt Nam không có điều luật nào trực tiếp quy định về điều kiện có hiệu lực của di chúc nhưng có thể hiểu điều kiện có hiệu lực của di chúc là những gì mà pháp luật yêu cầu cần phải có để đảm bảo hiệu lực pháp luật của một di chúc. Tác giả Hoàng Thị Loan phân tích ba nhóm điều kiện để di chúc có hiệu lực pháp luật [3, tr. 28-29].

Thứ nhất, điều kiện để di chúc hợp pháp (đặt ra vào thời điểm lập di chúc): Di chúc muốn được coi là hợp pháp phải đáp ứng các điều kiện được quy định tại Điều 630 Bộ luật Dân sự 2015 và phải đáp ứng một số điều kiện khác mà Bộ luật Dân sự đã quy định nhằm tăng cường tính xác thực của di chúc, bảo vệ ý nguyện đích thực của người để lại di sản như điều kiện đối với người chứng nhận, chứng thực, người làm chứng di chúc, yêu cầu đối với việc xác định sự minh mẫn, sáng suốt của người lập di chúc, yêu cầu đối với sự kiện được coi là điều kiện trong di chúc có điều kiện...

Thứ hai, điều kiện để di chúc phát sinh hiệu lực pháp luật (đặt ra vào thời điểm mở thừa kế): người lập di chúc chết, người được chỉ định hưởng di sản theo di chúc còn sống, còn tồn tại vào thời điểm mở thừa kế, di sản thừa kế được định đoạt trong di chúc còn tồn tại vào thời điểm mở thừa kế.

Thứ ba, điều kiện để di chúc được thi hành (đặt ra vào thời điểm phân chia di sản): điều kiện liên quan tới người thừa kế được chỉ định trong di chúc (từ chối nhận di sản theo Điều 620 hoặc không được quyền hưởng di sản theo khoản 1 Điều 621 Bộ luật Dân sự 2015), điều kiện liên quan tới di sản được định đoạt trong di chúc (di sản thừa kế không tồn tại vào thời điểm mở thừa kế), về bản di chúc (di chúc có nội dung không rõ ràng và những người thừa kế không thống nhất được cách giải thích nội dung di chúc; di chúc bị hư hại đến mức những người thừa kế không thể nhận biết được ý chí đích thực của người lập di chúc; di chúc bị thất lạc mà tại thời điểm tìm thấy di chúc, di sản đã được chia theo pháp luật và đã hết thời hiệu yêu cầu phân chia di sản).

Nếu việc xác định thời điểm có hiệu lực của di chúc là cơ sở để xác định quyền thừa kế của những người được chỉ định hưởng di sản theo di chúc đã phát sinh hay chưa, tại thời điểm đó những di sản được xác định trong di chúc có còn hay không thì việc xác định hiệu lực của di chúc sẽ quyết định việc phân chia di sản tuân theo di chúc hay tuân theo quy định của pháp luật.

2.4. Điều kiện về người thừa kế

Về cơ bản, người thừa kế được xác định theo hai dạng, đó là người thừa kế theo di chúc và người thừa kế theo pháp luật. Người thừa kế theo di chúc được xác định bởi ý chí của người để lại di sản và được xác định trong di chúc mà người để lại di sản đã lập. Vì vậy, người thừa kế theo di chúc có thể là một cá nhân bất kỳ, miễn là đã được chỉ định trong di chúc mà không cần phải có mối quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng với người để lại di sản. Ngoài ra, người thừa kế theo di chúc còn có thể là cơ quan, tổ chức hoặc có thể là các chủ thể khác. Người thừa kế theo pháp luật là cá nhân được hưởng di sản mà người chết để lại do pháp luật xác định trên mối quan hệ về hôn nhân hoặc quan hệ về huyết thống hay nuôi dưỡng giữa họ với người để lại di sản. Vì vậy, người thừa kế theo pháp luật chỉ có thể là cá nhân có một trong ba mối quan hệ (hoặc hôn nhân, hoặc huyết thống, hoặc nuôi dưỡng) với người để lại di sản. Bộ luật Dân sự 2015 có những quy định hướng tới ghi nhận điều kiện của người thừa kế là cá nhân hoặc không là cá nhân theo những góc độ khác nhau.

Người thừa kế là cá nhân tuỳ từng trường hợp được sinh ra trước hoặc sau thời điểm người để lại di sản chết mà phải thoả mãn điều kiện nhất định để được hưởng di sản. Trường hợp được sinh ra trước thời điểm người để lại di sản chết thì phải còn sống vào thời điểm mở thừa kế. Trường hợp được sinh ra sau thời điểm người để lại di sản chết thì phải còn sống sau khi được sinh ra và phải thành thai trước khi người để lại di sản chết (Điều 613 Bộ luật Dân sự 2015). Việc ghi nhận nội dung này xuất phát từ

quy định về thời điểm phát sinh và chấm dứt năng lực pháp luật của các chủ thể. "Sinh ra và còn sống" được hiểu là "chỉ cần người được hưởng thừa kế còn sống tại thời điểm mở thừa kế là đủ, dù chỉ sống trong một khoảnh khắc nhỏ sau khi người để lại di sản chết" [4, tr. 117]. Trên thực tế, có nhiều trường hợp sau thời điểm mở thừa kế người thừa kế mới thành thai từ trứng hoặc tinh trùng của người chết. Giả sử người thành thai sau đó được sinh ra là con của người chết (mối quan hệ cha - con, mẹ - con được thừa nhận), thì người này vẫn không phải là người thừa kế do không thoả mãn các tiêu chí nhận dạng tại Điều 613 Bộ luật Dân sự 2015. Giải pháp này được áp dụng không chỉ đối với thừa kế theo pháp luật mà cả đối với thừa kế theo di chúc [5, tr. 209].

Cá nhân là người thừa kế theo di chúc có thể đồng thời là người thừa kế theo pháp luật của người để lại di sản, trường hợp này họ vừa có thể nhận di sản theo di chúc vừa tiếp tục được hưởng thừa kế theo pháp luật đối với phần còn lại của di sản (trừ trường hợp người lập di chúc đã nói rõ là họ chỉ được hưởng phần di sản mà người lập di chúc phân định trong di chúc đó) [6, tr. 103]. Trường hợp người thừa kế từ chối nhận di sản, "không được quyền hưởng di sản" do bị Toà án "tước" quyền theo khoản 1 Điều 621 Bộ luật Dân sự 2015 (trừ trường hợp người để lại di sản đã biết hành vi bất xứng của người này nhưng vẫn cho người này hưởng theo di chúc theo quy định tại khoản 2 Điều 621), là cá nhân chết trước hoặc chết cùng người để lại di sản thì không đủ điều kiện để trở thành người thừa kế là cá nhân. Ngoài ra, người thừa kế không được quyền hưởng di sản còn do chính người để lại di sản truất quyền bằng một di chúc có hiệu lực pháp luật trừ trường hợp người đó là người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc (Điều 644 Bộ luật Dân sự 2015).

Người thừa kế không là cá nhân chỉ xuất hiện với vai trò là người thừa kế theo di chúc. Người thừa kế theo di chúc không là cá nhân thì phải tồn tại vào thời điểm mở thừa kế, tức là vào thời điểm người để lại di sản chết, cơ quan, tổ chức được chỉ định là người thừa kế trong di chúc phải đã được thành lập và chưa chấm dứt hoạt động (Điều 613 Bộ luật Dân sự 2015). Nếu cơ quan, tổ chức không còn tồn tại vào thời điểm mở thừa kế thì di chúc sẽ không có hiệu lực toàn bộ hoặc một phần vì giá trị thực thi của bản di chúc là không thể thực hiện trên thực tế (khoản 2 Điều 643 Bộ luật Dân sự 2015). Tuy nhiên, trong thực tế có thể xảy ra trường hợp là một cơ quan, tổ chức được chỉ định trong di chúc còn tồn tại vào thời điểm mở thừa kế nhưng không còn tồn tại vào thời điểm phân chia di sản (ví dụ pháp nhân giải thể). Theo quy định của pháp luật, pháp nhân được chỉ định trong di chúc còn tồn tại vào thời điểm mở thừa kế thì được hưởng di sản. Mặc dù khi chia thừa kế, pháp nhân không còn tồn tại thì di sản vẫn thuộc về pháp nhân, vì vậy di sản phải chia đều cho các thành viên của pháp nhân. Tuy nhiên, sau khi pháp nhân giải thể, năng lực chủ thể của pháp nhân chấm dứt, cho nên di sản không thể chia đều cho các thành viên. Bởi lẽ các thành viên không có tư cách chủ thể của pháp nhân được chỉ định, do đó tài sản không có chủ sở hữu sẽ thuộc Nhà nước (Điều 228 Bộ luật Dân sự 2015). Nếu còn người thừa kế theo pháp luật mà không được hưởng di sản, thì quyền lợi của người thừa kế không được pháp luật bảo hộ, cho nên phải áp dụng tương tự như trường hợp di chúc không có giá trị vì không có người thừa kế theo di chúc và di sản được chia theo pháp luật [7, tr. 883].

Tóm lại, để được hưởng di sản, người thừa kế nói chung phải đáp ứng các điều kiện mà pháp luật đã quy định. Tuy nhiên, người thừa kế có tư cách pháp lý tương đối đặc biệt, họ là những chủ thể hưởng quyền do pháp luật quy định. Người thừa kế không bắt buộc phải có năng lực chủ thể mới được hưởng di sản.

2.5. Điều kiện về yêu cầu phân chia di sản thừa kế

Trong trường hợp có tranh chấp, thì những người giả định được hưởng thừa kế của người chết có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết việc phân chia di sản thừa kế theo thủ tục tư pháp. Điều kiện để phân chia di sản theo thủ tục tư pháp là người khởi kiện có đơn khởi kiện chia thừa kế có nói rõ yêu cầu cụ thể về việc chia thừa kế, xuất trình các giấy tờ theo quy định, việc khởi kiện chia di sản thừa kế được thực hiện trong thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật…

Kể từ thời điểm mở thừa kế, những người thừa kế có quyền kiểm kê, bảo quản, phân chia di sản thừa kế bất cứ lúc nào (Điều 614 Bộ luật Dân sự 2015). Khi một người yêu cầu chia di sản một cách hợp pháp thì phải chia toàn bộ di sản cho người thừa kế. Chúng ta chưa có cơ chế cho phép chia di sản cho một

hay một số người và vẫn giữ di sản cho những người còn lại (chưa chia). Trên thực tế, việc phân chia di sản chưa được thực hiện ngay từ thời điểm mở thừa kế do bị tác động bởi các yếu tố như việc lo mai táng, sự vắng mặt của những người thừa kế, việc xác định người hưởng di sản theo di chúc hoặc theo pháp luật, việc xác định được khối di sản của người chết hiện vẫn còn để chia, di sản rải rác nhiều nơi chưa tập hợp được, yếu tố di chúc (xác định hiệu lực của di chúc, việc người thừa kế biết tường tận nội dung di chúc và thực hiện di chúc sau khi di chúc được công bố…), ý muốn của người quá cố, việc bàn bạc, thỏa thuận và thống nhất ý chí của những người thừa kế trong việc thanh toán di sản, quản lý di sản, cử người phân chia di sản, lập danh mục di sản, cách thức phân chia, yêu cầu chia di sản của những NTK, thời hiệu thừa kế… Nhưng phải nhìn nhận rằng, những người thừa kế *"có xu hướng tự nhiên tìm cách thoát ra khỏi quan hệ sở hữu chung để có thể tự mình quyết định về mọi việc liên quan đến tài sản mà mình có quyền sở hữu"* [8, tr. 383].

Chủ thể yêu cầu phân chia di sản không chỉ là những người thừa kế mà còn là người có quyền của người thừa kế (là đồng sở hữu tài sản chung) được yêu cầu chia để thực hiện nghĩa vụ dân sự trên cơ sở khoản 2 Điều 219 Bộ luật Dân sự 2015 và trong thực tế xét xử của Tòa án đã có trường hợp người có quyền của người thừa kế yêu cầu chia di sản để thực hiện nghĩa vụ dân sự. Tuy nhiên, nếu di sản bị ràng buộc bởi thời hạn không phân chia di sản được nêu dưới đây thì người có quyền của người thừa kế cũng chịu sự ràng buộc của những hạn chế này [9, tr. 492-494].

Việc phân chia di sản thừa kế bị hạn chế theo Điều 661 Bộ luật Dân sự 2015, theo đó, di sản thừa kế chưa được phân chia ngay bởi các lý do: Theo định đoạt của người lập di chúc đã được thể hiện rõ di sản chỉ được chia sau một sự kiện hoặc sau một thời gian kể từ ngày người có di sản chết; Theo thỏa thuận của tất cả những người có quyền hưởng di sản. Nhưng nếu có một hoặc một số người có quyền thừa kế không thỏa thuận được với những người thừa kế khác trong việc xác định thời hạn phân chia di sản thì không thể hạn chế phân chia di sản và di sản được phân chia như trong trường hợp không có sự hạn chế phân chia di sản. Theo Điều 661 di sản được phân chia *"sau một thời hạn nhất định"* nhưng thời hạn đó là bao lâu thì lại không được dự liệu trong điều luật này. Thực tế cho thấy, việc người lập di chúc định ra một khoảng thời gian "*ngẫu hứng*" hoặc kéo dài thời gian (vượt quá quy định về thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế) dẫn tới quyền, lợi ích của người thừa kế khác vô tình bị ảnh hưởng. Chúng ta sẽ không cấm việc định ra khoảng thời hạn hạn chế việc phân chia sản nhưng phải đặt ra giới hạn để đảm bảo sự tương thích với các quy định khác.

Yêu cầu phân chia di sản cũng bị ảnh hưởng bởi vấn đề thời hiệu. Khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản. Căn cứ vào đối tượng của di sản là bất động sản hay động sản, nếu bất động sản thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia là 30 năm, nếu là động sản thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia là 10 năm. Trong thực tế, không phải trong mọi trường hợp người để lại di sản định đoạt di sản theo di chúc hoặc chỉ định đoạt một phần di sản hoặc có định đoạt nhưng định đoạt không rõ ràng..., lúc này việc phân chia di sản thừa kế có thể do những người thừa kế thỏa thuận hoặc được thực hiện tại Tòa án. Về nguyên tắc, không người nào bị bó buộc phải ở trong tình trạng di sản chưa chia nên những người thừa kế có thể thỏa thuận duy trì tình trạng di sản chưa chia trong một thời gian dài, miễn là không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Người thừa kế nào cũng có quyền đòi phân chia di sản bất cứ lúc nào. Nếu những người thừa kế thỏa thuận duy trì tình trạng di sản chưa chia vượt quá thời hiệu thừa kế, không thực hiện yêu cầu chia di sản trong một thời hạn nhất định thì họ sẽ không còn thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản, quyền sở hữu đối với di sản thừa kế của họ bị triệt tiêu.

3. Kết luận

Phân chia di sản thừa kế được tiến hành theo hai trình tự đã được xác định một cách rõ ràng là phân chia di sản thừa kế theo di chúc và phân chia di sản thừa kế theo pháp luật. Để hai trình tự phân chia di sản được diễn ra, pháp luật yêu cầu các điều kiện nhất định. Bộ luật Dân sự 2015 có quy định về các điều kiện để phân chia di sản thừa kế nằm rải rác trong các điều luật, nhưng lại không có quy định cụ thể về khái niệm điều kiện phân chia di sản thừa kế. Qua việc tìm hiểu từng điều kiện phân chia di sản

thừa kế, chúng ta có thể hiểu: "Điều kiện phân chia di sản thừa kế là những yêu cầu mà pháp luật đặt ra hay những yếu tố bắt buộc phải có khi phân chia di sản thừa kế như điều kiện về thời điểm mở thừa kế, về di sản thừa kế, về tính hiệu lực của di chúc, về người thừa kế, về yêu cầu phân chia di sản thừa kế…". Việc hoàn thiện khái niệm về điều kiện phân chia di sản thừa kế có ý nghĩa trong việc làm rõ một vấn đề lý luận về đề tài này.

Tài liệu tham khảo

[1] Phạm Văn Tuyết, Lê Kim Giang (2017), *Pháp luật về thừa kế và thực tiễn giải quyết tranh chấp*, NXB Tư pháp, Hà Nội.

[2] Phạm Văn Tuyết, Trần Thị Huệ (chủ biên, 2022), *Giáo trình Luật dân sự Việt Nam* (tập I), Trường Đại học Luật Hà Nội, NXB Tư pháp, Hà Nội.

[3] Hoàng Thị Loan (2019), *Điều kiện có hiệu lực của di chúc theo quy định pháp luật dân sự Việt Nam,* Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.

[4] Đỗ Văn Đại (2016), *Luật Thừa kế Việt Nam – Bản án và bình luận bản án* (Sách chuyên khảo, tập 1), NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, Bản án số 11.

[5] Nguyễn Ngọc Điện (2023), *Giáo trình Luật Hôn nhân và Gia đình, Quan hệ tài sản vợ chồng, thừa kế* (tập 2), Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

[6] Hoàng Thế Liên (chủ biên, 2010), *Bình luận khoa học Bộ luật Dân sự năm 2005* (tập 3), Bộ Tư pháp, Viện Khoa học pháp lý, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[7] Nguyễn Minh Tuấn (2016), *Bình luận khoa học Bộ luật Dân sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015*, NXB Tư pháp, Hà Nội.

[8] Nguyễn Ngọc Điện (2024), *Giáo trình Luật Dân sự (tập 1)*, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, NXB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

[9] Đỗ Văn Đại (2016), *Luật Thừa kế Việt Nam – Bản án và bình luận bản án, Sách chuyên khảo* (tập 2), NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIÁO DỤC...

Tiếp theo trang 178

3. Kết luận

Chuyển đổi số đã trở thành xu thế lớn, tác động mạnh mẽ đến các lĩnh vực của đời sống xã hội, làm thay đổi mạnh mẽ cách thức, phương pháp hoạt động của con người. CĐS đã tạo đột phá trong đổi mới hoạt động GDĐH; đổi mới phương thức, quy trình và cách tiếp cận quản lý nhà nước trong lĩnh vực GDĐH; tác động tích cực, toàn diện tới phương thức hoạt động, chất lượng, hiệu quả trong GDĐH; góp phần tạo sự minh bạch và hướng tới công bằng trong giáo dục. Bên cạnh đó cũng có nhiều tác động tiêu cực phát sinh. Chất lượng giảng dạy trực tuyến chưa đáp ứng yêu cầu của người học và sự phát triển của xã hội, còn tồn tại các cán bộ quản lý, công chức, viên chức chưa nhận thức đúng về vị trí, vai trò của CĐS, ứng dụng khoa học - kỹ thuật nhằm sáng tạo, đổi mới phương pháp quản lý, dạy, học, thi, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực GDĐH. Hạ tầng và trang thiết bị thực hiện CĐS tại các cơ sở giáo dục, đào tạo còn thiếu đồng bộ, hạn chế cả về số lượng, chất lượng. Vì vậy, việc nắm bắt các tác động của CĐS đối với GDĐH sẽ giúp các nhà quản trị kịp thời điều chỉnh các chiến lược, chính sách giáo dục, từ đó thúc đẩy GDĐH tiếp tục phát triển hơn nữa.

Tài liệu tham khảo

[1] Thủ tướng Chính phủ (2020), *Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03/6/2020 Phê duyệt "Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".*

[2] Quốc hội (2012), *Luật Giáo dục đại học*, Luật số 08/2012/QH13, ngày 18/6/2012.

[3] Quốc hội (2018), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học*, Luật số 34/2018/QH14, ngày 19/11/2018.

[4] Huyền Thanh (2023), *Đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng mô hình đại học Công an nhân dân thông minh*, nguồn: https://hvcsnd.edu.vn, ngày 19/11/2023.

[5] Tường San (2023), *Những con số ấn tượng về kết quả chuyển đổi số của ngành Giáo dục,* nguồn: https://giaoduc.net.vn, ngày 02/11/2023.

[6] Nguyễn Thị Thu Vân (2021), *Chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục đại học*, nguồn: https://www.quanlynhanuoc.vn, ngày 02/11/2021.

[7] Nguyễn Vĩnh An (2021), *Cách mạng công nghiệp 4.0 và ảnh hưởng của nó đến giáo dục đại học,* Tạp chí Thông tin và Truyền thông, tháng 3.

[8] Vũ Hải Quân (2021), *Chuyển đổi số trong giáo dục đại học,* nguồn: https://vnuhcm.edu.vn, ngày 26/12/2021.